TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BÌNH ĐẠI** TỈNH BẾN TRE	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **146**/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 01/11/2024.
V/v tranh chấp: "*Ly hôn"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH ĐẠI, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Ông Trần Văn Tuấn.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đặng Hoàng Mích.

2. Bà Đào Thị Tuyết Mai.

- *Thư ký phiên tòa*: Đặng Huỳnh Khánh Duy – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre.

Ngày 01 tháng 11 năm 2024 tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Bình Đại xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số: 274/2024/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 5 năm 2024 về tranh chấp: "*Ly hôn*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 289/2024/QĐST-HNGĐ ngày 23 tháng 9 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 216/2024/QĐST-HNGĐ ngày 09 tháng 10 năm 2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* **Nguyễn Thị Bé L,** sinh năm 1993 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp B, xã H, huyện G, tỉnh Bến Tre.

Chị L có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt đề ngày 04/9/2024.

- *Bị đơn:* **Dương Văn C,** sinh năm 1992 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp P, xã T, huyện B, tỉnh Bến Tre.

Tạm trú: Ấp D, xã T, huyện B, tỉnh Bến Tre.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn xin ly hôn đề ngày 01/3/2024; bản tự khai đề ngày 04/9/2024 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Bé L trình bày:*

- *Về quan hệ hôn nhân:* Chị và anh Dương Văn C chung sống với nhau trên tinh thần tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã M, huyện B, tỉnh Bến Tre ngày 19/11/2012. Thời gian đầu sống chung hạnh phúc, nhưng đến tháng 08 năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm. Nay chị xác định không còn tình cảm với anh C, nên chị yêu cầu được ly hôn với anh Dương Văn C.

- *Về nuôi con chung:* Có 03 con chung tên Dương Nguyễn Ngọc L1, sinh ngày 07/6/2013; Dương Nguyễn Ngọc H, sinh ngày 22/3/2016 và Dương Nguyễn Đăng K, sinh ngày 24/6/2019. Hiện các con đang sống với chị, khi ly hôn chị yêu cầu được nuôi 03 con chung và không yêu cầu anh Dương Văn C cấp dưỡng nuôi con.

- *Về tài sản chung và nợ chung:* Chị L khai không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Anh Dương Văn C vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án nên không có lời trình bày.*

** Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre tham gia phiên Tòa phát biểu ý kiến.*

Về tố tụng:Thẩm phán thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án cho đến khi ban hành quyết định đưa vụ án ra xét xử. Hội đồng xét xử và Thư ký đã tuân theo đúng các quy định của Bộ Luật tố tụng dân sự trong quá trình xét xử sơ thẩm vụ án.

Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Bé L thực hiện quyền và nghĩa vụ đúng theo quy định tại điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự, tuy nhiên bị đơn Dương Văn C không chấp hành theo giấy triệu tập của Tòa án, vắng mặt tại phiên tòa là vi phạm khoản 16 Điều 70 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung:

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Chấp nhận đơn yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị Bé L đối với anh Dương Văn C.

Về nuôi con chung: Giao 03 con chung tên Dương Nguyễn Ngọc L1, sinh ngày 07/6/2013; Dương Nguyễn Ngọc H, sinh ngày 22/3/2016 và Dương Nguyễn Đăng K, sinh ngày 24/6/2019 cho chị Nguyễn Thị Bé L trực tiếp nuôi dưỡng .

Ghi nhận sự tự nguyện của chị L nuôi con không yêu cầu anh Dương Văn C cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị L khai không có, anh C cũng không có yêu cầu gì nên không xét đến.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Nguyễn Thị Bé L có đơn xin xét xử vắng mặt, anh Dương Văn C được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai vẫn vắng mặt không rõ lý do, do đó tiến hành xét xử vắng mặt chị L, anh C là phù hợp với Điều 227, 228 Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về Hôn nhân: Chị L và anh C chung sống với nhau trên tin thần tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã M, huyện B, tỉnh Bến Tre ngày 19/11/2012 nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc sau đó thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm nên chị L và anh C đã ly thân nhau từ tháng 08 năm 2023 cho đến nay. Từ lúc ly thân nhau cho đến nay mỗi người đều có cuộc sống độc lập, không ai quan tâm đến ai. Toà án đã triệu tập chị L và anh C hoà giải, để tạo điều kiện cho hai bên có cơ hội hàn gắn tình cảm nhưng anh C vắng mặt, chị L cũng có yêu cầu xét xử vắng mặt. Điều đó, chứng tỏ hôn nhân giữa chị L và anh C đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị L yêu cầu ly hôn với anh C là có căn cứ, phù hợp với Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.2] Về con chung: Có 03 con chung tên Dương Nguyễn Ngọc L1, sinh ngày 07/6/2013; Dương Nguyễn Ngọc H, sinh ngày 22/3/2016 và Dương Nguyễn Đăng K, sinh ngày 24/6/2019. Các cháu hiện đang sống chung với chị L, các cháu phát triển tốt, cháu L1 và cháu H có nguyện vọng sống với mẹ là Nguyễn Thị Bé L. nên cần tiếp tục giao 03 cháu Dương Nguyễn Ngọc L1, sinh ngày 07/6/2013; cháu Dương Nguyễn Ngọc H, sinh ngày 22/3/2016 và cháu Dương Nguyễn Đăng K, sinh ngày 24/6/2019 cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.3] Về Tài sản chung và nợ chung: Chị L khai không có, anh C cũng không có yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không xét đến.

[2.4] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Bé L phải chịu 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)*.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 51, 56, 57, 81, 82, 83, 84, 107, 116, 119 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ các Điều 147; 227; 228; 271 và 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

<u>Tuyên xử</u>:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Bé L đối với anh Dương Văn C. Chị Nguyễn Thị Bé L được ly hôn với anh Dương Văn C.

2. Về con chung: Chị Nguyễn Thị Bé L được trực tiếp nuôi dưỡng 03 cháu Dương Nguyễn Ngọc L1, sinh ngày 07/6/2013; cháu Dương Nguyễn Ngọc H, sinh ngày 22/3/2016 và cháu Dương Nguyễn Đăng K, sinh ngày 24/6/2019.

Ghi nhận sự tự nguyện của chị Nguyễn Thị Bé L không yêu cầu anh Dương Văn C cấp dưỡng nuôi.

Anh Dương Văn C không trực tiếp nuôi con chung có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

Trong thời gian con chung chưa thành niên, anh Dương Văn C có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, chị Nguyễn Thị Bé L có quyền yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung; về nợ chung: Chị L khai không có, anh C cũng không có yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không xét đến.

4. Về án phí án hôn nhân và gia đình: Chị Nguyễn Thị Bé L phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị L đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0004133 ngày 01/3/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ba Tri. Vậy án phí chị Nguyễn Thị Bé L đã nộp đủ.

Chị Nguyễn Thị Bé L và anh Dương Văn C vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bến Tre (P.KTNV & THA);
- VKSND huyện Bình Đại;
- Chi cục THADS huyện Bình Đại;
- UBND xã Mỹ Chánh, huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre (Số 72, quyển số 01/2012 ngày 19/11/2012);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Trần Văn Tuấn